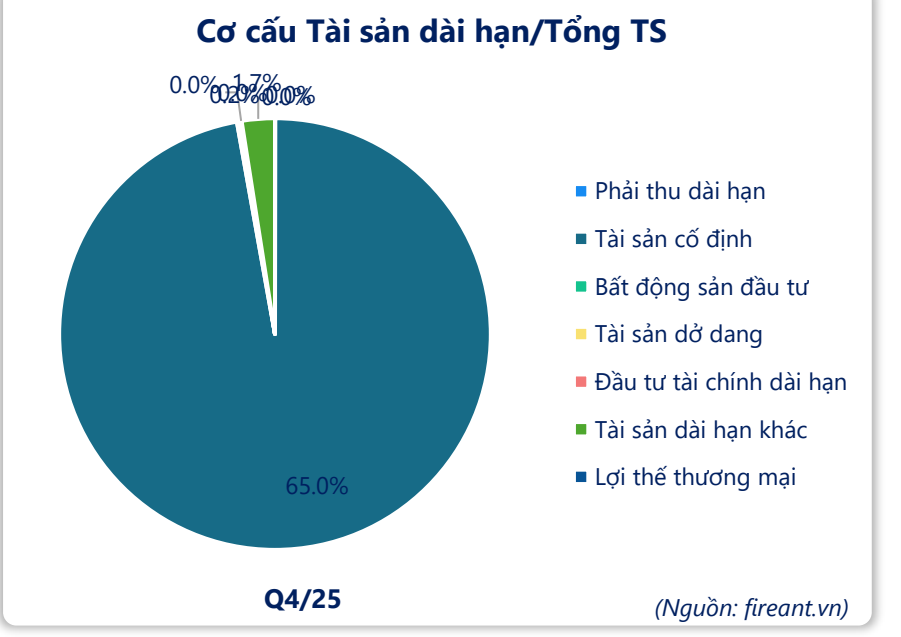
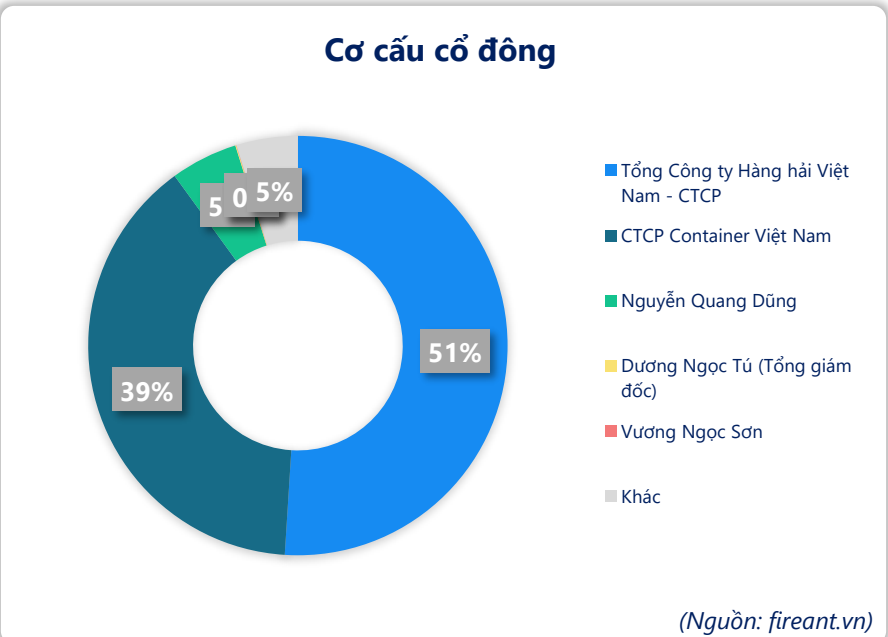
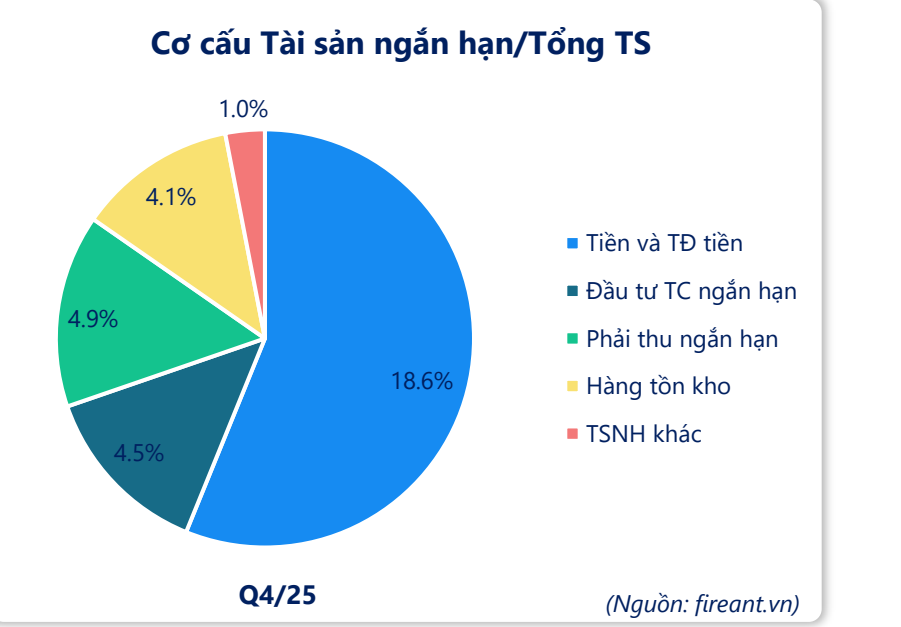
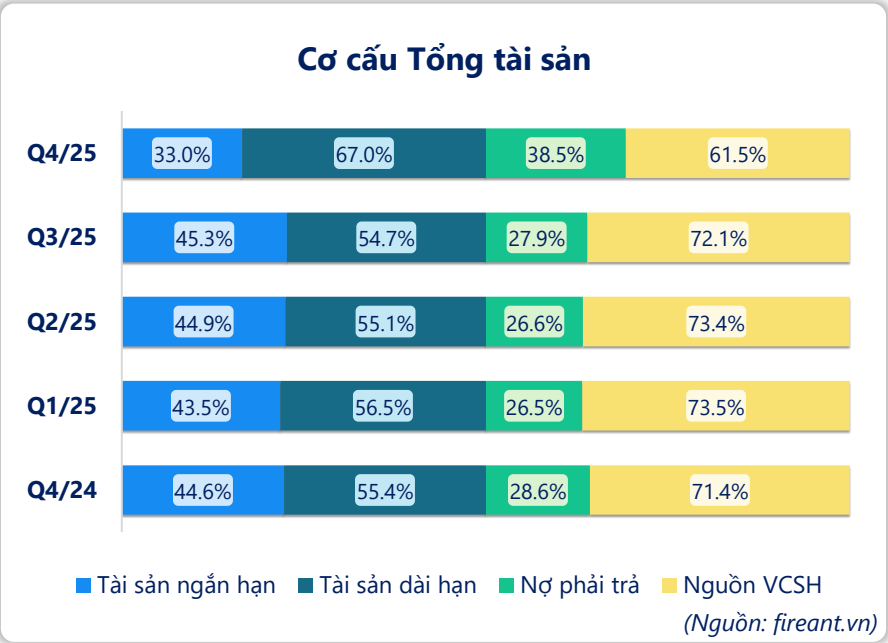
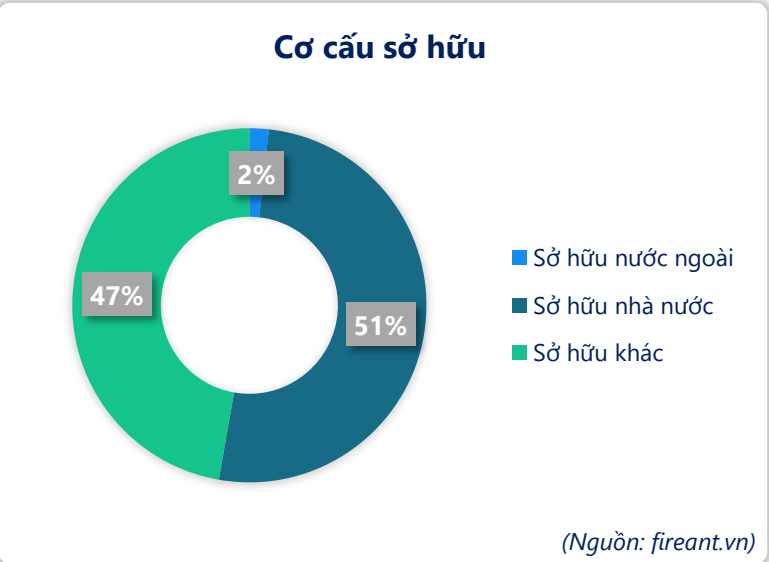
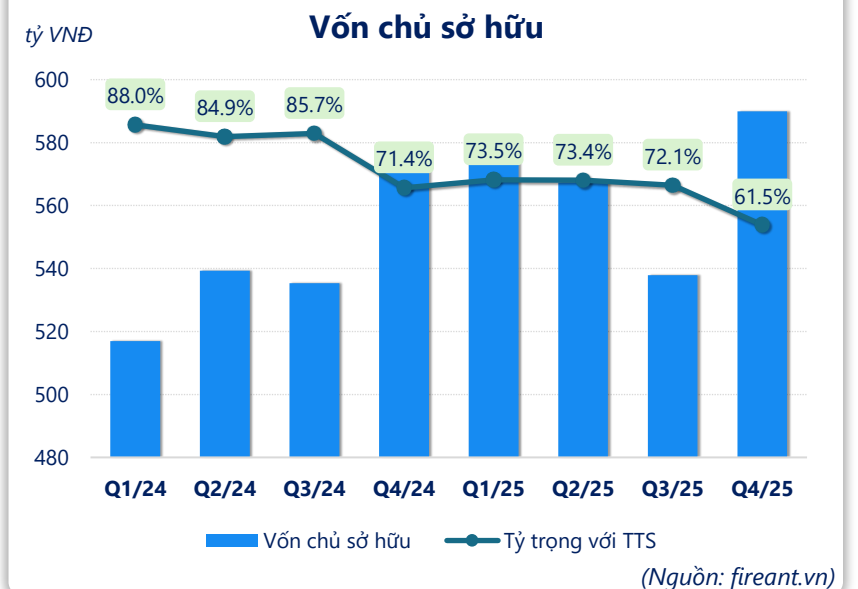
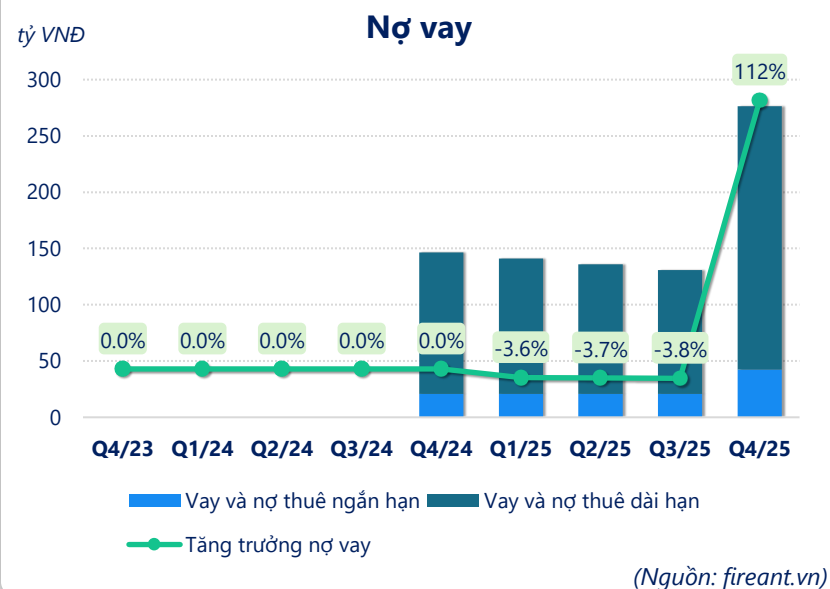
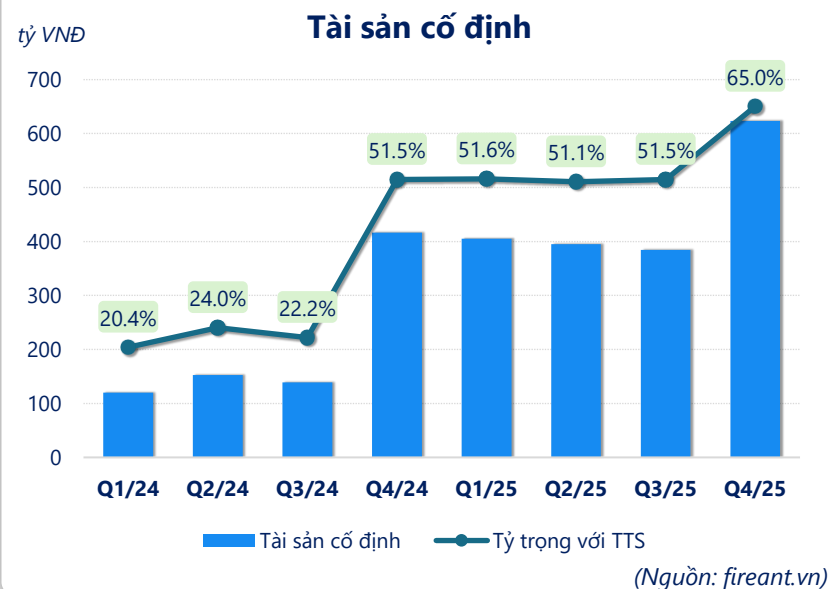
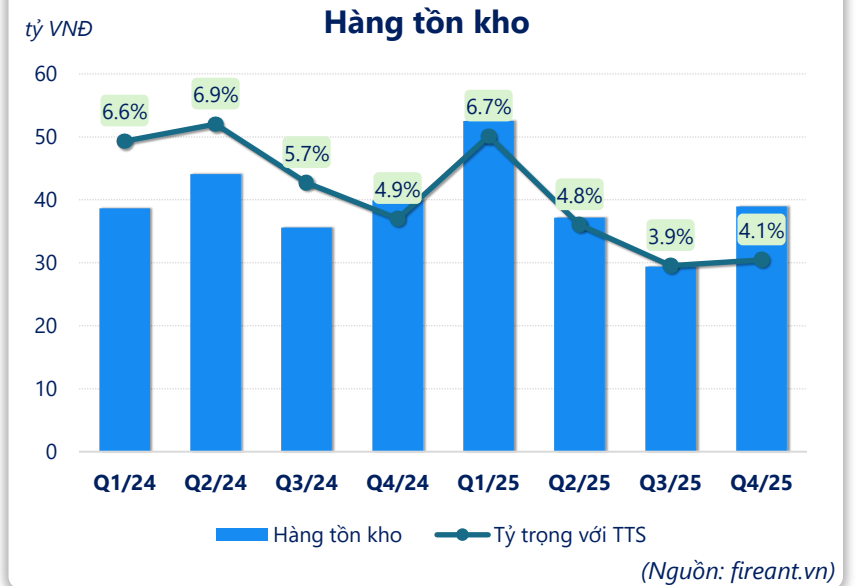
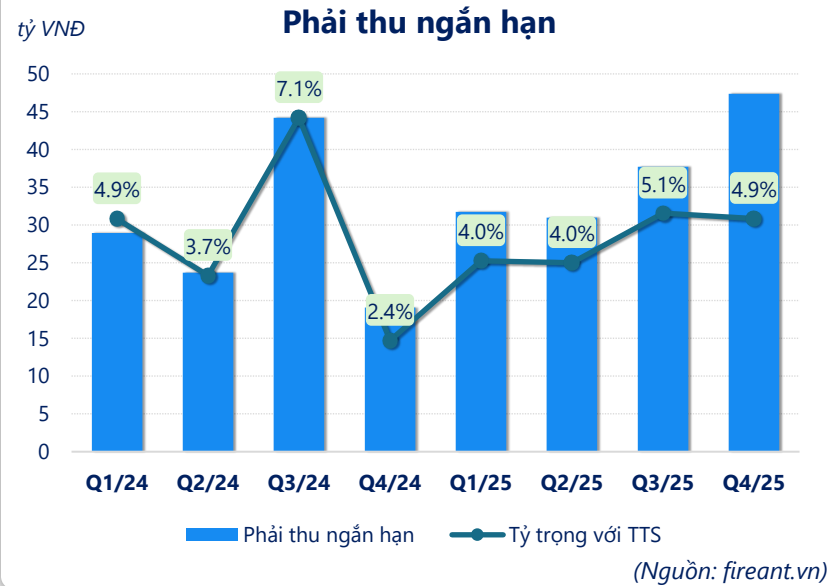
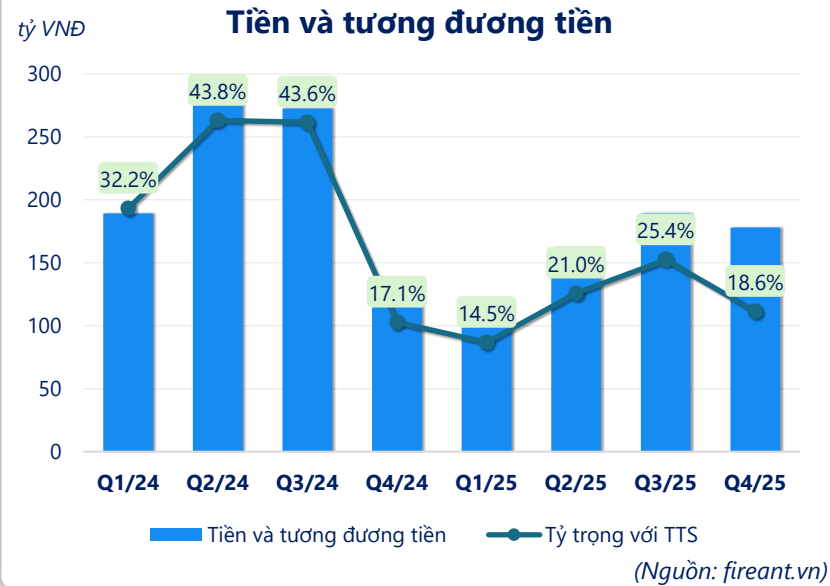
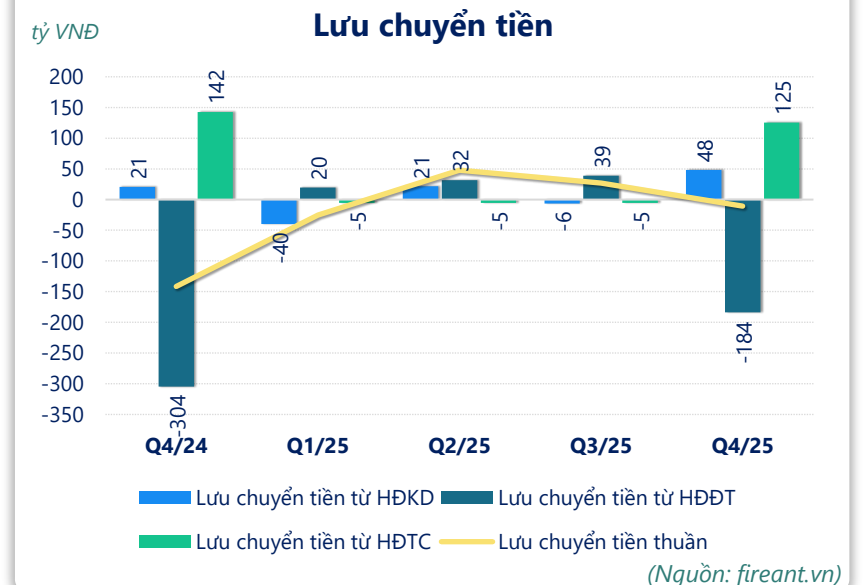
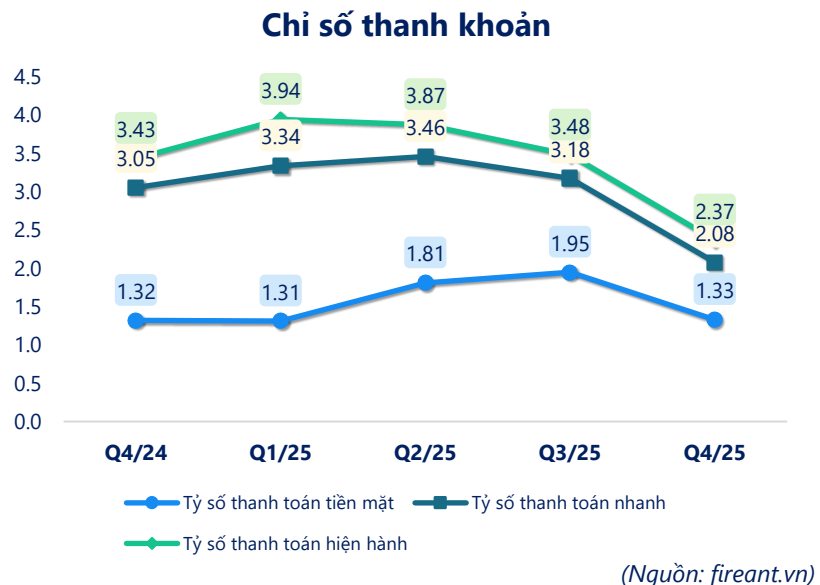
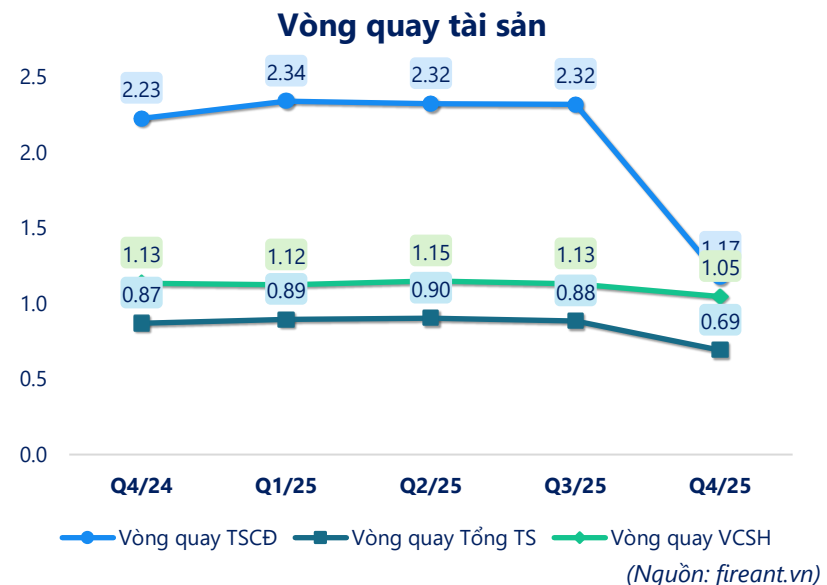
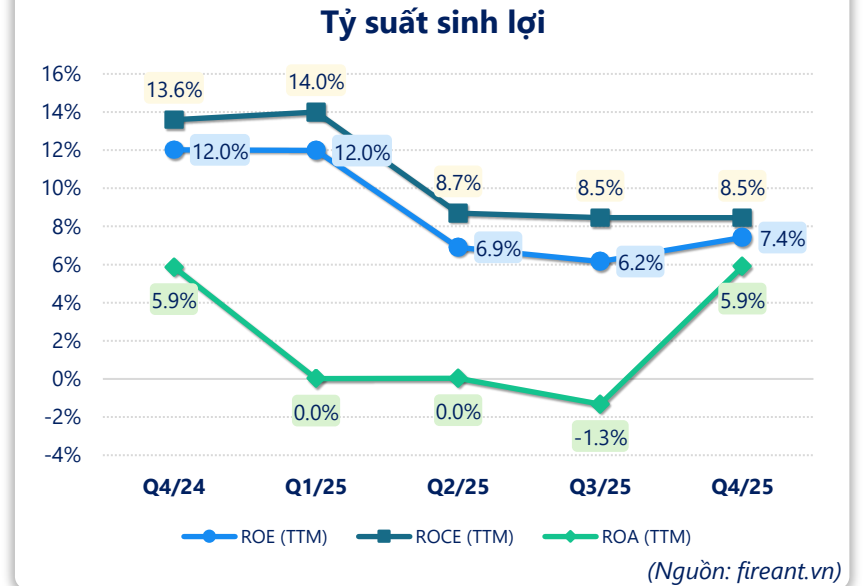
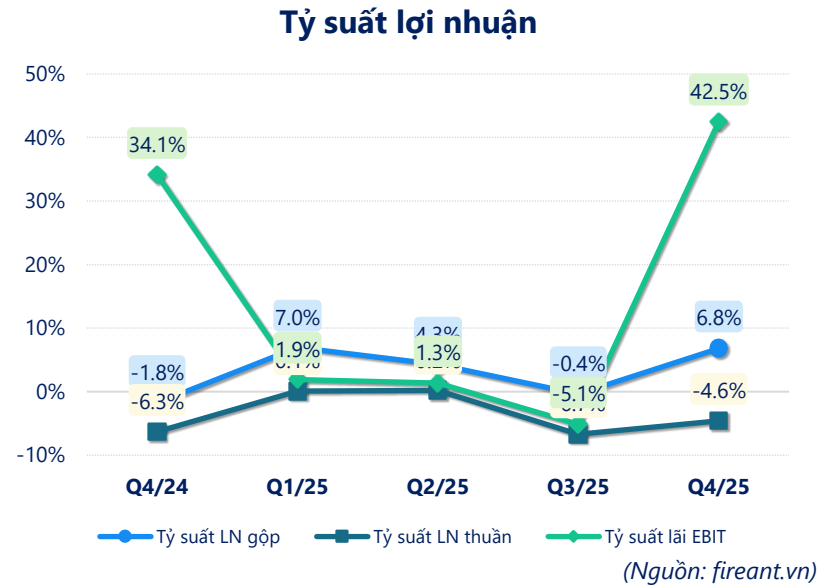
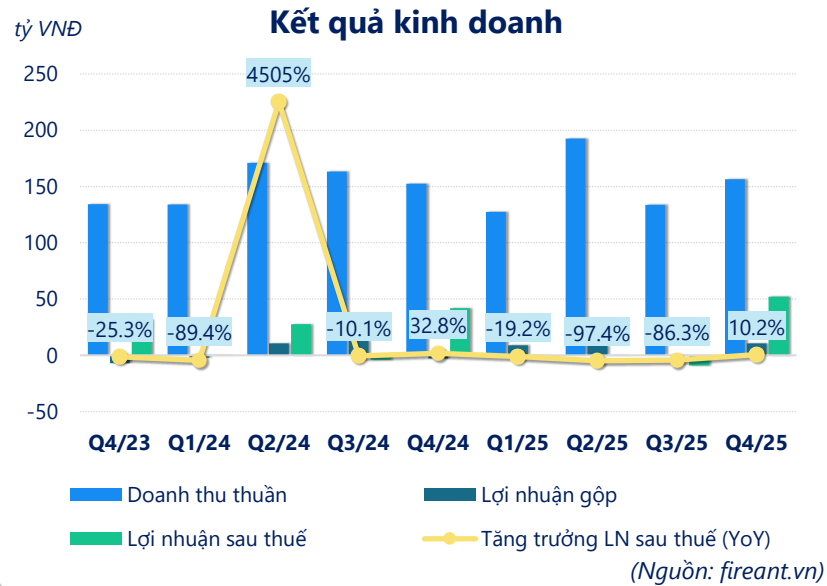


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,701
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,100
SL cổ phiếu LH		33,999,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)		17,595
% sở hữu nước ngoài		1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		595
P/E		13.7
EPS		1,273

	YTD	1T	3T	6T
VNA	-20.2%	1.2%	-2.2%	-7.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	959	809	18.5%
Tài sản ngắn hạn	317	361	-12.2%
Tiền và tương đương tiền	178	139	28.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	43.0	133	-67.7%
Phải thu ngắn hạn	47.3	19.1	148%
Hàng tồn kho	38.9	39.9	-2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	9.66	30.2	-68.0%
Tài sản dài hạn	642	448	43.3%
Phải thu dài hạn	0.16	0	
Tài sản cố định	624	416	49.8%
Bất động sản đầu tư	1.85	2.64	-30.0%
Tài sản dở dang	0.40	1.22	-67.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.00	5.6%
Tài sản dài hạn khác	15.9	27.7	-42.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	369	232	59.2%
Nợ ngắn hạn	134	105	27.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.5	20.9	103%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.2	27.6	-15.8%
Nợ dài hạn	235	127	85.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	234	125	86.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	590	577	2.2%
Vốn chủ sở hữu	590	577	2.2%
Vốn điều lệ	340	340	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	153	127	192	134	156
Giá vốn hàng bán	155	119	184	134	146
Lợi nhuận gộp	-2.69	8.85	8.22	-0.51	10.7
Doanh thu HĐTC	9.90	2.43	4.05	2.84	1.08
Chi phí TC	1.20	2.80	2.55	2.79	4.35
Chi phí lãi vay	0.78	2.31	2.25	2.19	3.64
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.33	1.99	2.71	1.70	3.38
Chi phí QLDN	12.3	6.37	6.64	6.80	11.2
LN thuần từ HĐKD	-9.62	0.12	0.37	-8.96	-7.19
Lợi nhuận khác	60.9	-0.01	-0.04	-0.09	70.1
LN trước thuế	51.2	0.11	0.34	-9.05	62.9
Lợi nhuận sau thuế	41.8	0.08	0.24	-9.06	52.0
LNST của CĐ cty mẹ	41.8	0.08	0.24	-9.06	52.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.6	-39.7	21.4	-6.44	48.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-304	19.7	31.7	38.6	-184
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	142	-5.23	-5.23	-5.23	125
Tiền đầu kỳ	272	139	114	162	190
Lưu chuyển tiền thuần	-142	-25.2	47.9	26.9	-10.4
Ảnh hưởng tỷ giá	7.71	0.20	0.76	0.33	-1.17
Tiền cuối kỳ	139	114	162	190	178

(Nguồn: fireant.vn)